TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

DOÃN UẨN (1795-1850) MỘT DANH TƯỚNG, VỊ QUAN THANH LIÊM TRIỀU NGUYỄN

PHẠM VĂN LAN[*]
NGUYỄN HỮU TÂM[**]

Tóm tắt: Thông qua nhiều nguồn tư liệu khác nhau, bài viết khắc họa cuộc đời sự nghiệp của Doãn Uẩn, một danh tướng kiệt xuất, một đại thần tài năng, đức độ thanh liêm và có những công lao to lớn trong công cuộc bảo vệ biên cương phía Bắc, phía Nam đất nước. Ông đã có hơn 20 năm làm quan, tận tâm phụng sự các triều vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức. Doãn Uẩn là một bề tôi trung thành mẫn cán với triều đình, đồng thời cũng là một người cha hiền từ, nghiêm khắc, tấm gương cho con cháu, hậu duệ noi theo. Cha con Doãn Uẩn thật đúng là "một nhà trung hiếu gồm hai", cha tạ thế khi còn đương tại chức, con hy sinh lẫm liệt, can trường lúc xông pha trận mạc. Doãn Uẩn xứng đáng là nhân vật lịch sử tiêu biểu của triều Nguyễn.

Từ khóa: Doãn Uẩn, Triều Nguyễn, Danh tướng, Thanh liêm.

Abstract: Drawing upon a wide range of historical sources, this article reconstructs the life and career of Doãn Uẩn, an outstanding military commander, a talented high-ranking mandarin, and a man renowned for his integrity and significant contributions to the defense of the northern and southern frontiers of the country. He served as an official for more than twenty years, devoting himself wholeheartedly to the reigns of Emperors Minh Mệnh, Thiệu Trị, and Tự Đức. Doãn Uẩn was a loyal and diligent servant of the Nguyễn court, while also being a compassionate yet strict father and a moral example for his descendants to follow. The father and son of the Doãn family truly embodied the saying “a family united in loyalty and filial piety”: the father passed away while still in office, and the son died heroically and courageously on the battlefield. Doãn Uẩn deserves recognition as a representative historical figure of the Nguyễn dynasty.

Keywords: Doãn Uẩn; Nguyễn dynasty; eminent general; integrity.

Ngày nhận bài: 15/8/2025; Ngày phản biện: 10/11/2025; Ngày duyệt đăng: 20/12/2025.

1. Mở đầu

Doãn Uẩn (1795-1850), là một danh tướng, vị quan thanh liêm, mẫu mực của triều Nguyễn, ông dành cả cuộc đời quan trường trải ba triều vua Minh Mệnh (1820-1840), Thiệu Trị (1841-1847) và Tự Đức (1848-1883), để tận hiến phụng sự đất nước, phụng sự nhân dân. Ông từng kinh qua nhiều chức vụ như: Án sát các tỉnh Vĩnh Long, Thái Nguyên, Tổng trấn Gia Định, Tuần phủ Hưng Yên, Tổng đốc Định-Yên, Khâm sai Đại thần, Tổng đốc An Giang, Tổng đốc An - Hà,...

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết dựa trên các sách chính sử của triều Nguyễn, đồng thời kế thừa một số công trình đã xuất bản,… với phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp lịch sử và logic, kết hợp với phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu, phê phán sử liệu,... để làm nổi bật những đóng góp của Doãn Uẩn với thời cuộc. Trên cơ sở đó, chúng tôi tập trung làm rõ hai nội dung sau: 1. Tiểu sử và sự nghiệp của Doãn Uẩn; 2. Doãn Uẩn - Một vị tướng tài năng xuất chúng, một vị quan liêm khiết hết lòng vì dân.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Vài nét về tiểu sử, sự nghiệp của Doãn Uẩn

Những ghi chép về Doãn Uẩn trong các bộ sách quan trọng của triều Nguyễn

[*]ThS. Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Đại Nam. Email: lanpv@dainam.edu.vn
[**]TS. Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Đại Nam. Email: youxin210@gmail.com

Bộ quốc sử (*Đại Nam thực lục*) triều Nguyễn, khi viết về Doãn Uẩn, đã dành những lời trang trọng và cảm phục vì đức độ, tài năng cùng những công lao to lớn của ông trong công cuộc bảo vệ biên cương phía Bắc, phía Nam đất nước và đặc biệt vùng đất An Giang. Chúng tôi đã thống kê trong bộ *Đại Nam thực lục chính biên*, từ Đệ nhị kỷ quyển LXIV triều vua Minh Mệnh năm thứ 11 (1830) bắt đầu có chép về Doãn Uẩn, cho đến Đệ tứ kỷ quyển XLIV triều vua Tự Đức năm thứ 24 (1871) chép về sự kiện dân làng Ngoại Lãng, tỉnh Nam Định xin làm đền thờ Doãn Uẩn, được vua Tự Đức chấp nhận, có tới 146 đoạn ghi chép về hành trạng cùng công tích trong cuộc đời phụng sự vương triều Nguyễn của ông (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007).

Ngoài ra, còn có tư liệu, ghi chép về Doãn Uẩn trong bộ *Khâm định tiễu bình lưỡng kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên* do Cơ mật viện - Nội các cùng bộ Binh triều Nguyễn biên soạn. Bộ sách này tập trung toàn bộ ghi chép về phương lược đối phó của quan quân triều đình đối với diễn biến, thành công cũng như thất bại của các cuộc nổi dậy do Lê Duy Lương, Nông Văn Vân lãnh đạo nổ ra tại miền Bắc, cuộc binh biến của Lê Văn Khôi ở miền Nam cùng các cuộc nổi dậy dân tộc ít người tại vùng núi hai tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa và cuộc chiến chống lại sự xâm lược của quân Xiêm (Thái Lan), diễn ra trong 3 năm từ 1833-1835 dưới triều vua Minh Mệnh. Nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc chỉ đạo của triều đình và các địa phương chống lại sự phản kháng của quần chúng nhân dân trong cả nước, vì thế vua Minh Mệnh lệnh cho quần thần phải gấp rút biên soạn bộ sách. Công việc được hoàn thành rất nhanh chóng, chỉ 1 năm sau khi vừa bình định các cuộc khởi nghĩa, tức vào năm Minh Mệnh thứ 17 (1836), bộ sách gồm 153 quyển với gần 5000 trang chữ Hán được in khắc (Cơ mật viện - Nội các triều Nguyễn, 2009).

Bên cạnh hai bộ sử quan trọng trên, các sử thần triều Nguyễn còn chép về tiểu sử, sự nghiệp của Doãn Uẩn khá chi tiết trong bộ *Đại Nam liệt truyện,* phần *Truyện các quan,* quyển 29 (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005b: 121). Nguyên tắc biên soạn bộ *Liệt truyện* (tức bộ *Đại Nam liệt truyện*) trong phần *Phàm lệ* đã nêu rõ: "Trong các bề tôi, hễ ai có công nghiệp rõ rệt và tiết nghĩa đáng khen thì không cứ quan chức to hay nhỏ đều chép vào truyện... Sự tích trong *Liệt truyện* đều dựa vào *Thực lục* (chỉ bộ *Đại Nam thực lục*) và tham khảo các hành trạng, các gia phả, ngoài ra còn hỏi rộng, tìm thêm nếu có sự thực căn cứ được thì đều thâu lượm mà ghi chép" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005a: 9-10). Như vậy, theo nguyên tắc Phàm lệ bộ sách, phần chép về tiểu sử, hành trạng và cuộc đời của Doãn Uẩn trong bộ *Liệt truyện* được sưu tầm, tham khảo từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau, được giám định và công bố có độ tin cậy cao.

Với những ghi chép chi tiết, cụ thể của ba bộ sách trên, chúng ta nhận thấy: sự đóng góp không nhỏ của Doãn Uẩn đối với các triều vua Minh Mệnh (1820-1840), Thiệu Trị (1841-1847), Tự Đức (1848-1883). Và quan trọng hơn, công lao cùng phẩm hạnh của Doãn Uẩn đã được khẳng định trong ba đời vua triều Nguyễn.

Khái quát tiểu sử, sự nghiệp của Doãn Uẩn

Doãn Uẩn, sinh ngày 17 tháng 11 năm Ất Mão (tức ngày 27 tháng 12 năm 1795), là cháu bốn đời của dòng họ Doãn đất Song Lãng (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 11). Ông chào đời tại thôn Khê Cầu, tổng Khê Cầu, huyện Thư Trì, phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam Hạ (tức thôn Khê Kiều, xã Minh Khai, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình), nay thuộc thôn Khê Kiều, xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên. Ông vốn tên là Ôn (Năm 1831, vua Minh Mệnh cho đổi là Uẩn), tự Nhuận Phủ, Ôn Phủ, hiệu là Nguyệt Giang, Tĩnh Trai.

Ngay từ khi còn nhỏ, ông đã được thân phụ là cụ Doãn Đình Tấn (sau đổi là Doãn Đình Thục) cho theo học trường học của bác ruột là cụ Doãn Thai. Sau đó, lại cho theo học tiếp Tồn Am tiên sinh Bùi Huy Bích, Hoàng giáp khoa Kỷ Sửu (1769) ở Thịnh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. Đến năm 26 tuổi (1820), Doãn Uẩn sau khi hết tang Thầy học đã về lại quê hương thôn Khê Kiều, Thư Trì, Thái Bình. Có thể thấy, thời gian học tập thời trẻ đã để lại một cảm nhận sâu sắc trong cả cuộc đời Doãn Uẩn. Vì vậy, những lúc chiến trận liên miên, lên Bắc vào Nam, gánh vác chức trách trọng thần nơi biên khổn, khi nào công việc thư nhàn thì Doãn Uẩn lại nghĩ tới năm tháng học hành tuổi ấu thơ. Ông đã tự hào và ghi lại thành thơ như sau:

"Thiếu niên mạnh lãng hối sơ tâm".

(Nghĩa là: Lúc trẻ khỏe, ta chỉ vùi đầu lo việc học hành sách vở, vì tâm chí mới vào đời) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 248, 249).

Được sinh ra trong một gia đình truyền thống khoa bảng, đặc biệt, có thân mẫu Nguyễn Thị Tào là con gái của dòng họ Tiến sĩ Nguyễn Như Thức làng Bình An (nay là xã Vạn Xuân, tỉnh Hưng Yên), lại cộng thêm quá trình rèn tập nghiêm cẩn, cho nên Doãn Uẩn đã mang tính cách của một trí thức Nho sĩ mẫn cán, chỉn chu. Điều này được thể hiện trong khi thực hiện những công việc triều đình giao cho, ông đều cố gắng tận tâm hoàn thành đến mức tối đa. Các vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, nhiều lần đều dành những lời khen ngợi, ban tặng chức tước cùng các vật phẩm quý cho Doãn Uẩn.

Sau hai lần thi đỗ Tú tài vào các năm 1821 và 1823, tiếp theo Doãn Uẩn tham gia kỳ thi khoa Mậu Tý (1828), đỗ Cử nhân hạng ưu. Năm sau, ông dự kỳ thi Hội khoa Kỷ Sửu (1829), nhưng không đỗ, được triều đình Minh Mệnh bổ chức Hàn lâm viện Điển bạ. Từ đó, trở đi ông miệt mài với công việc làm quan cho ba vị vua kế tiếp nhau triều Nguyễn, không có thời gian để tiếp tục sự nghiệp khoa cử nữa.

Từ khi bắt đầu làm quan năm 1829 đến lúc tạ thế 1850, trong vòng hơn 20 năm, con đường hoạn lộ của ông khá hanh thông, hiển đạt. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ tại các bộ Hộ, bộ Hình, bộ Binh..., từng là Án sát các tỉnh Vĩnh Long, Thái Nguyên, Tổng trấn Gia Định, Tuần phủ Hưng Yên, Tổng đốc Định-Yên, Khâm sai Đại thần, Tổng đốc An Giang rồi Tổng đốc An - Hà, tham gia thực thi quân điền pháp tại Bình Định... Ông được vua Thiệu Trị sắc phong cho làm Thượng thư bộ Binh, Đô đốc Ngự sử, An Tây mưu lược tướng. Ngoài ra, Doãn Uẩn tuy mới đỗ Cử nhân, song ông đã được sự tín nhiệm của triều đình giao cho giữ các trọng trách như: Chủ khảo, Phúc khảo, Khâm sai, tại các trường thi Nghệ An, Gia Định, Thừa Thiên và Bắc Thành (Hà Nội).

3.2. Doãn Uẩn, một vị tướng tài năng xuất chúng, một vị quan liêm khiết hết lòng vì dân

Bắt đầu tham gia từ những trận chiến để bình định cuộc nổi dậy của Nông Văn Vân ở miền Bắc những năm 1833-1835, cho đến công cuộc bảo vệ biên giới Tây Nam Tổ quốc, xây dựng mở mang, khai thác vùng đồng bằng Tây Nam Bộ vào những năm 40 của thế kỷ XIX, Doãn Uẩn luôn thể hiện là một viên quan tài năng, một danh tướng xuất chúng. Ông tự hào với nhiệm vụ được triều đình giao phó, đặc biệt đối với việc gìn giữ biên cương đất nước. Điều này được thể hiện trong hai câu trong bài thơ *Thuật hoài* của ông:

Nguyên văn chữ Hán:

作使方知帝命榮

邊塞功名推俊傑

Tác sứ phương tri đế mệnh vinh,

Biên tái công danh suy tuấn kiệt.

(Người làm chức sứ phải luôn luôn nhận thức rằng: được vua trao mệnh là điều rất vinh dự;

Công danh ngoài nơi biên tái thường chỉ dành cho những người rất tuấn kiệt) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 161, 163).

Một câu thơ khác cũng thể hiện đầy đủ quan niệm về chức trách làm quan của Doãn Uẩn:

疆場號命恭臣職 - *Cương trường hiệu mệnh cung thần chức* (Làm theo mệnh lệnh của nhà vua nơi chiến trường biên cương, đấy chính là việc kính cẩn thực hiện chức phận của bề tôi)[1] (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 274, 278).

Doãn Uẩn cũng đã từng ghi lại quá trình phấn đấu, cống hiến trong những năm tháng gian lao hết vào Nam, rồi lại ra Bắc của bản thân, tóm tắt thành một bản tổng kết cuộc đời rất khiêm tốn như sau: "Tôi nay cũng đã 50 tuổi rồi,... Kể từ khi làm quan đến nay: sự biến ở Vĩnh Long, một mình trong cảnh nguy cấp, làm đốc vận quân lương ở Thái Nguyên, lăn lóc từ lâu đến Kinh lược Thanh Hoa, Bang biện Trấn Tây, hiểm trở gian nan, khốn khó trăm phần không thể nói hết. Từ năm Quý Tỵ, Minh Mệnh thứ 14 (1835), phàm có việc biên cương, quân thù, không việc gì là không cáng đáng, tuy không một phân tấc công lao, song cũng đã kề bên cái chết nhiều lần..." (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 382-383).

Ông kết thúc bản tổng kết với một bầu tâm sự kiên trinh của một trung thần tận tâm phụng sự quân vương: "Song bởi vì việc biên cương chưa dứt, triều đình lo lắng sớm hôm... Chức phận của kẻ bề tôi, sao có thể từ chối gian lao, mà chính phải vắt kiệt tâm lực để hoàn thành sứ mệnh, há dám tiếc cái tuổi thừa hay sao?" (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 384).

Xác định được tôn chỉ "Trung quân ái quốc" như vậy, cho nên Doãn Uẩn không từ một mệnh lệnh, chức trách nào của nhà vua giao phó. Ông đã có hơn 20 năm làm quan, và cũng từng ấy năm ông đi đến những nơi gian khó nhất, nguy hiểm nhất. Đèo Hải Vân - nổi tiếng là "Thiên hạ đệ nhất hùng quan", mà trong vòng chín năm ông đã từng vượt qua đến 8, 9 lần (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 151).

Sử thần triều Nguyễn đã có hàng trăm trang sách viết về mọi nỗi gian truân mà Doãn Uẩn đã từng trải, cũng như chính ông cho biết:

廿載沙場驚往事 - *Trấp tái sa trường kinh vãng sự* (Hơn hai mươi năm sống ở sa trường vì nước, trải bao điều đáng sợ) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 248).

Nhưng bất cứ ở cương vị nào, bề tôi trung thành Doãn Uẩn đều hoàn thành xuất sắc trọng trách được giao.

Đặc biệt, thời kỳ Doãn Uẩn tham gia xử trí công việc ở Trấn Tây, không những trực tiếp chỉ huy giành thắng lợi trong nhiều cuộc chiến, bảo vệ toàn vẹn biên cương phía Nam, mà còn luôn tạo điều kiện thuận lợi để yên lòng dân chúng, phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống dân lành. Khi bàn việc ghi công ở Trấn Tây cho các tướng sĩ, vua Thiệu Trị đã hết lời ca ngợi về tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu kế sâu xa nơi chiến trận, cũng như trong việc ổn định vùng biên viễn của Doãn Uẩn: "An Tây mưu lược tướng Doãn Uẩn: mình ở đội trước, lập được công đầu, phá đồn Thông Bình, hạ đồn Sách Sô, tiến đến đất Vịnh Long, vây sát đất Ô Đông, đều ra mưu lạ, nắm phần thắng, vỗ về biên cảnh, bình định nơi xa, ra sức rất nhiều. Đáng phong cho tước Tuy Tĩnh tử" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a: 1031).

Trong một chỉ dụ khác, vua Thiệu Trị cũng ban khen về biệt tài quân sự của Ông: "... Nay đến ngày tiếp Dụ, những người lập văn như Nguyễn Văn Chương, Doãn Uẩn là những nhà quân sư đã có công đắc thắng, biết chia đường

[1] Chúng tôi dịch lại, bản dịch trong sách là "Lo tế tự nơi bờ cõi theo mệnh vua, đó là bổn phận của thần chức".

thủy, đường bộ tiến lên trước kiên quyết đánh phá đồn Thiết Thằng..." (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 279).

Không chỉ là một vị tướng tài giỏi, một viên trọng thần mẫn cán, mà Doãn Uẩn còn là một đại thần liêm khiết, chí công vô tư. Ông đã từng nhấn mạnh nỗi niềm về lý tưởng làm quan của mình như sau: "Quân trung vị liễu trù biên sớ" (Ở trong quân ta chưa hề so kè tính toán gì và năm tháng dài lo âu ta vẫn cứ yên tâm vui vẻ chiến đấu ở vùng biên) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 248, 249).

Ông đang cầm quân chiến đấu ở vùng biên, nơi hiểm nguy rình rập, nhưng tâm hồn vẫn luôn sảng khoái, không so đo, tính toán cho lợi lộc cá nhân. Ông thường nghĩ rằng, mình chỉ là một anh học trò làm việc nước, rất tự hào với truyền thống phụng sự quốc gia của tổ tiên dòng họ:

Sinh bình nghiệp vi chí,
Tiền liệt hữu di cừ,
Học chi nguyện bất kỷ.
(Ta trau dồi nghiệp sĩ,
Theo tiên liệt di ngôn,
Học để lo nước non) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 255-258).

Cho đến khi nghe tin ông từ trần, đích thân vua Tự Đức khẳng định: "Uẩn lúc còn sống, vì nước hết sức khó nhọc, vốn có tiếng liêm chính và tài năng" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b: 146). Ngoài việc truy tặng hàm Hiệp biện Đại học sĩ, nhà vua còn lệnh hậu cấp thêm thêm tiền tuất, sai triều thần đưa linh cữu về nguyên quán.

Không chỉ nhà vua, mà các bạn đồng liêu cũng rất khâm phục về đức tính liêm khiết, không tơ hào vun vén cho cá nhân, gia đình của ông. Doãn Uẩn từ giã dương thế, khi còn đương tại vị, nhưng ở trị sở cũng như tại tư gia hầu như không lưu giữ của cải, châu báu gì. Lời tâu của Tổng đốc tân nhiệm (An Giang) Cao Hữu Lạng đã chứng minh điều này: "Uẩn là người công bằng, trung thực, thanh liêm, cẩn thận, sau khi chết không có một chút tài sản gì, xin đặc cách gia ơn cho" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b: 146).

Cuộc đời liêm khiết của Doãn Uẩn, có thể coi là một tấm gương "thanh quan" tiêu biểu trong hàng ngũ quan lại triều Nguyễn.

Trưởng thành trong một gia đình có nề nếp, làm quan khi mới độ tuổi "tam thập nhi lập", Doãn Uẩn sớm đã có tình yêu thương nhân dân sâu sắc. Trong cuộc đời làm quan của mình, Doãn Uẩn đã nhiều lần dâng sớ lên đương kim hoàng đế trình bày về nỗi khổ cực của dân chúng tại các địa phương mà ông đến trị nhậm, đồng thời đưa ra những kiến nghị để tạo điều kiện cải thiện mọi mặt cuộc sống của người dân, nhằm củng cố biên cương được vững chắc.

Tháng 2 năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), khi đang giữ chức Tham tri bộ Hộ, Doãn Uẩn dâng tâu bản sớ, trong đó, trình bày chung về cuộc sống xã hội, kinh tế của miền Bắc trăn trở với các hiện tượng tiêu cực: "Vậy mà giá gạo ở các địa phương chưa thấy được rẻ, sự làm ăn của dân gian chưa khỏi khó khăn, hoặc giả vì bọn cường hào bóc lột, lũ hoạt lại đục khoét, dân dụng thì xa phí, gạo thóc thì không thông đồng, cách sinh tài chưa được hợp lý chăng?".

Đồng thời, bản sớ nêu lên tính cấp thiết cần giải quyết tình trạng khốn khó của các địa phương miền Nam đương thời: "*Duy các tỉnh Nam Kỳ còn khốn đốn hơn nữa*?".

Doãn Uẩn cho rằng muốn biên giới được yên ổn, vững bền phải "trước hết gây cho dân giàu để làm phên giậu che chống vững chắc", cụ thể hơn "tạm đình một lần việc duyệt tuyển ở các tỉnh Nam Kỳ, miễn thu thuế các cửa ải và bến đò một lần để cho lương thực của dân được đầy đủ...". Tất cả kiến nghị mà Doãn Uẩn đưa ra "vua cho rằng Doãn Uẩn nói được minh

bạch, khen và nghe theo" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a: 465).

Tháng 9 năm 1844, nhân việc vua Thiệu Trị cầu lời nói thẳng, Tuần phủ Doãn Uẩn cùng với Tổng đốc An-Hà Nguyễn Tri Phương dâng sớ, trong đó điều trần ba việc: Xin liệu giảm bớt khóa lệ thanh tra; Xin rút bỏ hư ngạch ở sổ các dân; Xin tha thuế lệ còn đọng thiếu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b: 649).

Bất kỳ đi làm quan hay chỉ huy chiến trận nơi nào, ông cũng tranh thủ lúc nhàn rỗi, tìm hiểu kỹ vùng đất, phong tục tập quán dân cư, cùng những đặc sản nơi đó. Trong bản sớ trần tình, ông cho biết: "Tôi trước ở Vĩnh Long thường qua các hạt, thấy cảnh vật phồn thịnh, ruộng đất màu mỡ, thóc gạo cực nhiều, buôn bán lưu thông, thuyền tàu tụ họp, đều có tiếng là những đất giàu và vui" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a: 465).

Khi ông qua thành Gia Định: "Thấy ở đó thuyền bè đông đúc, nhà dân tấp nập, cá muối thu được rất nhiều, phong vật nói chung phồn thịnh".

Cảnh tượng vùng đất này, được ông ghi lại thành thơ: "Ngư diêm như thổ đạo miêu kỳ". (Cá và muối là thổ sản quý của đất nước, trong đó có lúa đạo, lúa mèo thì ngon lắm) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 155-157).

Vào trị nhậm tại An Giang, Doãn Uẩn gắn bó với con thuyền và những dòng sông, vì theo ông: "Tôi thường ở Công sảnh, ra khỏi cửa nửa bước là đã gặp sông nước trước mắt rồi"...

"Cứ đến cuối mỗi ngày, mặt trời xuống thấp, tôi cưỡi một con thuyền nhỏ, theo nước thủy triều lên hay xuống, hoặc tôi cầm hồ mà uống rượu, hoặc ngồi hóng gió xem trăng" (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 251-254).

Những lúc này, Doãn Uẩn ung dung tự tại, trở thành một thi nhân đang phiêu du trên sông nước, thả tâm hồn với cảnh vật thiên nhiên.

Tuy vậy, bên lòng ông, luôn canh cánh về cuộc sống vất vả, đầy biến động của người dân lương thiện. Ông viết về cảnh thành Gia Định: "từ khi sự biến Lê Văn Khôi, dân cư phân tán, chợ búa tiêu điều, quang cảnh mười phần chỉ còn lại được một hai" (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 155).

Hay "Từ khi gặp việc biến ở Phiên An, tiếp đến cõi Tây có việc, nhân dân các làng chỗ nào cũng thưa vắng. Năm ngoái, tôi từ Trấn Tây đi công việc về, suốt dọc đường nhận thấy (số người) so với năm trước chỉ còn độ 3-4 phần 10! Đại để, nhân đinh ở Nam Kỳ còn ít...." (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a: 465).

Những lúc thư nhàn, ngồi trên lầu cao ngắm cảnh, nhìn thấy nhà dân lợp phên mái cỏ sơ sài đạm bạc, mà: *Ốc lư hàn lạc dân nhưng hộ* (Ngoài trời lạnh lẽo dân quen chịu).

Bất chợt, Doãn Uẩn lại nghĩ tới trách nhiệm chăm sóc dân chưa được no đủ của người làm quan nơi biên ải:

Dân sự biên công hoàn nhĩ nhĩ,

Bả bôi không tự quỹ ngư xan.

(Việc dân ở vùng biên giới khó lắm, công sức bỏ ra giúp dân chưa nhiều;

Tay nâng chén rượu nhắm với món cá, mà thẹn lòng, vì thấy dân chưa hết khổ) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 268, 269).

Ông thương người nông phu, lam lũ cực khổ cả ngày đêm, chỉ làm ra được mấy đấu gạo, mới đủ thóc thuế, mà lại bị bọn cường hào ác bá ăn chặn mất một nửa (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 45-47).

Ông xót xa trước cảnh đẹp đất nước, do chiến tranh nên ruộng đồng nơi thôn quê, phải bỏ hoang phí:

Như thử sơn xuyên tín mỹ tai,

Khả lân điền trạch ủy vu lai.

(Sông núi quê ta đẹp đẽ thay,

Tiếc thương vườn ruộng chẳng ai cày!) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 274-277).

Ông lại cảm thông, đau đớn trước cảnh những người lính vừa vào quân ngũ chưa quen súng đạn, đã phải ra trận, không may bị giặc bắt:

Khả tích sổ niên quân tán nhật,

Vị kinh nhất chiến tặc lại thâu.

(Đáng tiếc ngàn quân cơn nguy biến;

Chưa qua một trận đã sa mưu) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 105-107).

Ông cũng cảm phục trước tinh thần xả thân, để bảo vệ đất nước của người lính xuất thân từ nông dân. Họ ra trận không cần hỏi han nhiều về chặng đường hành quân phía trước, vì họ đã hiểu mục đích của việc mình làm, "chinh phu bất tất vấn tiền trình" hay "các tướng sĩ tuy xa nhà có sự nhớ nhung, nhưng đã tự giác giữ tròn nhiệm vụ" (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hoá Việt Nam, 2005: 271).

Chính sự cảm thông, đồng tình và hòa mình cùng người lính nơi sa trường, mà Doãn Uẩn đã giành được tình cảm thân thiết của họ:

Tam tái ly gia tướng sĩ tình

(Ba năm phải lìa bỏ gia đình, nhưng đã đậm tình tướng sĩ trong chiến đấu) (Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005: 271-273).

Một vị tướng mà có được tình cảm "phụ tử chi binh" như thế, quả rất đỗi tự hào với cuộc đời binh nghiệp của mình.

Tình thương yêu bao la với dân chúng, với binh lính trong cuộc sống cũng như trên chiến trường, đã khiến cho Doãn Uẩn thường tự nhắc nhở chức trách của một người chỉ huy là không được hoang phí sức dân, công lính, không vì một chiến công cỏn con mà hy sinh lực lượng. Vì vậy, khi xét thấy việc trấn thủ vùng Trấn Tây không đem lại hiệu quả gì, ông đã cùng các bạn hữu làm quan trong triều dâng biểu, để vua Thiệu Trị ra quyết định rút quân về. Những nỗ lực phi thường, nhằm giảm bớt xương máu binh lính của một viên tướng cầm quân ra trận thực đáng trân trọng, đáng biểu dương, đồng thời cũng là một bài học quý giá cho những vị tướng nơi chiến trường.

Cuộc đời vì dân, vì nước của Doãn Uẩn đã được các vua triều Nguyễn trân trọng và tưởng thưởng xứng đáng. Doãn Uẩn đã đạt đến chức cao vọng trọng, tên tuổi được ghi chép trên cỗ súng thần công thứ nhất là "Thần phục uy viễn Đại tướng quân" với những dòng chữ ngự phê của vua Thiệu Trị vinh danh như sau: "Ba lần thắng trận, được công đầu, mưu lược của văn thần, tấn công to sớm, đem uy trời để vỗ yên, phục phương xa, khắc công vào bảo vật, truyền ức muôn năm rất trọng. Sắc cho An Tây mưu lược tướng, Tuy Tĩnh tử Doãn Uẩn" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a: 1041-1042).

Khi dựng bia ghi công bình định Trấn Tây, Doãn Uẩn được xếp thứ ba sau Nguyễn Tri Phương và Vũ Văn Giải. Đặc biệt, sau khi từ trần đã nhiều năm, triều đình lựa chọn ông là một trong 39 danh thần được bày bài vị thờ ở đền Hiền Lương. Đây là một vinh dự to lớn với những người đã từng phụng sự triều Nguyễn, vì mục đích lập ra đền thờ Hiền Lương như Chỉ dụ ban bố của vua Tự Đức viết rõ: "Đặt ra đền thờ Hiền Lương, là để nêu khen người hiền tài, biểu dương người có công lao, trong chỗ báo đền lại còn ngụ ý giáo hóa ở đấy... Để cho xứng đáng với lễ tôn trọng ấy, có quan hệ đến phong hóa, nếu không phải người danh tiết vẹn toàn, sao đủ đương vào sự kén chọn ấy" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b: 548-540).

4. Kết luận

Với 55 tuổi đời, trong đó có hơn 25 năm phụng sự ba triều vua Nguyễn, Doãn Uẩn đã dốc hết sức lực để hoàn thành nhiều trọng trách được đảm nhiệm. Ông không hổ thẹn là một trung thần, một danh tướng, một vị đại quan đã

góp phần tích cực để các vùng biên cương, đặc biệt biên cương phía Nam được yên ổn, mặt khác ông thường xuyên quan tâm tới đời sống của dân chúng, luôn mong cho người dân được hưởng một cuộc sống thanh bình, không có chiến tranh.

Nhân dân cũng không quên ân đức của Chinh Tây mưu lược Hiệp biện Đại học sĩ, nhiều nơi đã lập đền thờ quanh năm hương hoa tưởng nhớ đến ông. Ngay vào năm Tự Đức thứ 24 (1871), dân làng ở xã Ngoại Lãng, Nam Định "vì cảm mộ vị quan có danh tiếng" đã tự xin làm đền thờ Doãn Uẩn được nhà vua chấp thuận (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b: 1261).

Nếu như ở triều đình, Doãn Uẩn là một bề tôi trung thành mẫn cán với triều đình, thì ở gia đình, ông là một người cha hiền từ, nghiêm khắc, tấm gương cho con cháu, hậu duệ noi theo. Người con trai Doãn Chính được ông rèn cặp, dạy dỗ đã không phụ công giáo dưỡng của Doãn Uẩn. Sau khi hưởng tập ấm tước Tuy Thịnh tử, Doãn Chính được triều đình nhà Nguyễn bổ vào Lại bộ Chủ sự, giao cho chức Thự Tri phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Năm Tự Đức thứ 15 (1862), giặc cướp triều Thanh đến đánh phá, vây hãm phủ Phú Bình, Tri phủ Doãn Chính đã lãnh đạo quan binh chống cự trong hơn 3 tháng, nhưng thế giặc quá mạnh, không thể hạ được. Khi đó, viện quân không có, lương thực đã cạn, Doãn Chính đang đêm lọt ra ngoài thành, gieo mình xuống dòng sông Hanh tự vẫn (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b: 784).

Tấm gương tiết liệt, trung trinh vì nước của Doãn Chính đã cảm động tới vị quân vương đang tại vị, vua Tự Đức đã ngợi khen: "Rất khó được người như thế, thật không thẹn với người xưa, cũng không thẹn con cháu bậc danh thần" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005b: 121-124; Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b: 784).

Đồng thời, nhà vua truy tặng hàm Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ, cho người con hưởng tập ấm Chánh Cửu phẩm văn giai và sau này Doãn Chính được thờ trong đền Trung Nghĩa (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005b: 121-124; Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b: 784).

Cha con Doãn Uẩn thật đúng là "một nhà trung hiếu gồm hai", cha tạ thế khi còn đương tại chức, con hy sinh lẫm liệt, can trường lúc xông pha trận mạc. Doãn Uẩn xứng đáng là nhân vật lịch sử tiêu biểu của triều Nguyễn nói riêng và của lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung. Đồng thời, chúng ta cần ghi nhận những đóng góp tích cực của dòng họ Doãn trong lịch sử dựng nước và giữ nước vĩ đại của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

Cơ mật viện - Nội các triều Nguyễn. (2009). *Khâm định tiễu bình lưỡng kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, Q.Một-Hai. Tập I. Đà Nẵng: Nxb. Giáo dục Việt Nam.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2004a). *Đại Nam thực lục*. Tập 3. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn (2004b). *Đại Nam thực lục*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2004c). *Đại Nam thực lục*. Tập 5. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007a). *Đại Nam thực lục*. Tập 6. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007b). *Đại Nam thực lục*. Tập 7. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2005a). *Đại Nam liệt truyện*. Tập 1. Huế: Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2005b). *Đại Nam liệt truyện*. Tập 4. Huế: Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa.

Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam. (2005). Doãn Uẩn (1795-1850), Thi tuyển. Hà Nội: Nxb. Văn học.